

KỸ NĂNG SỐNG CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC

NGUYỄN THỊ HÀ LAN*

Tóm tắt: Sự phát triển của xã hội hiện đại đã nảy sinh nhiều cơ hội và thách thức đối với con người. Để thích ứng tốt với xã hội hiện đại, ngoài những phẩm chất đạo đức, kiến thức khoa học, trình độ chuyên môn và kỹ năng lao động, mỗi người cần phải có những kỹ năng sống (KNS) nhất định. KNS là một trong những yếu tố quan trọng, không thể thiếu đối với con người. KNS giúp mỗi người có một cuộc sống vững vàng, lành mạnh và bình an. Bài viết nghiên cứu thực trạng KNS của sinh viên (SV) ở một số trường đại học ở Việt Nam, các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV và đề xuất biện pháp giáo dục KNS cho SV.

Từ khóa: Kỹ năng sống, giáo dục, sinh viên.

Đặt vấn đề

KNS có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với con người. Để có một cuộc sống tốt đẹp, mỗi người cần phải trang bị cho mình những phẩm chất, kiến thức và kỹ năng nhất định về một lĩnh vực lao động của xã hội. Bên cạnh đó, cần tích cực rèn luyện KNS. Nghiên cứu KNS của SV ở các trường đại học nước ta hiện nay là công việc cần thiết để giúp cho thể hệ lao động tương lai của đất nước tự định hướng quá trình rèn luyện của bản thân; bên cạnh đó, giúp các nhà quản lý giáo dục, các nhà giáo dục lựa chọn các biện pháp hợp lý trong việc tổ chức quá trình giáo dục KNS cho SV.

1. Thực trạng kỹ năng sống của sinh viên thông qua số liệu khảo sát

Đối tượng tiến hành khảo sát: trên 66

cán bộ (CB), giáo viên (GV) và 900 sinh viên của một số trường đại học (ĐH Hồng Đức, ĐH Vinh, ĐHSPT Hà Nội).

Phương pháp điều tra bằng phiếu với hệ thống các câu hỏi kín: loại câu hỏi kín, thiết kế với những câu hỏi kín trong phiếu điều tra, phần đáp án trả lời được đưa ra 3 mức độ đánh giá. Chúng được sắp xếp một cách liên tục theo mức độ nhỏ dần. Tương ứng với chúng là các điểm số 2,1,0. Mức độ đánh giá của các đối tượng được xác định bằng số trên thang điểm theo cách tính trung bình cộng ($\bar{X}$). Đối với dạng câu hỏi kín, có thể phân tích dựa trên các biến độc lập như: khối ngành sư phạm và ngoài sư phạm (đối với SV); nhiệm vụ công tác

(*) Tiên sĩ, Trường Đại học Hồng Đức.

(đối với CB, GV). Các số liệu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS 11.5 nhằm thu thập, phân tích số liệu làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp giáo dục KNS cho SV. Kết quả thu được như sau (bảng 1)

Bảng 1: Kết quả khảo sát về đánh giá và tự đánh giá của SV về KNS

TT	Kỹ năng sống của SV	Kết quả đánh giá và tự đánh giá của SV					
		Tự đánh giá của SV (Tính theo $\bar{X}$)			Đánh giá của SV đối với các SV khác (Tính theo $\bar{X}$)		
		Sur phạm	Ngoài sur phạm	Trung bình	Sur phạm	Ngoài sur phạm	Trung bình
1	Kỹ năng tự nhận thức bản thân	1.33	1.35	1.33	1.30	1.33	1.31
2	Kỹ năng tự ý thức và có trách nhiệm với bản thân	1.30	1.33	1.31	1.27	1.26	1.27
3	Kỹ năng tự điều khiển, điều chỉnh, tự đánh giá hành vi bản thân	1.28	1.31	1.29	1.27	1.23	1.26
4	Kỹ năng tự rút kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày của bản thân	1.28	1.31	1.29	1.22	1.31	1.25
5	Kỹ năng tự xác định mục đích, kế hoạch phấn đấu về đường đời bản thân mình	1.23	1.27	1.24	1.20	1.27	1.22
6	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	1.28	1.31	1.29	1.24	1.31	1.26
7	Kỹ năng thiết lập và duy trì các mối quan hệ liên nhân cách, các mối quan hệ tương tác trong cộng đồng và xã hội	1.23	1.27	1.24	1.21	1.27	1.23
8	Kỹ năng thực hiện các hành vi văn hóa xã hội, hành vi theo chuẩn mực xã hội	1.23	1.27	1.24	1.20	1.27	1.22

9	Kỹ năng thích ứng xã hội	1.21	1.25	1.22	1.17	1.25	1.19
10	Kỹ năng xác định mục tiêu công việc	1.21	1.25	1.22	1.17	1.25	1.20
11	Kỹ năng lựa chọn, xác định các giá trị	1.26	1.29	1.27	1.26	1.29	1.27
12	Kỹ năng hoạch định công việc	1.23	1.27	1.24	1.21	1.27	1.23
13	Kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc	1.21	1.25	1.22	1.17	1.25	1.19
14	Kỹ năng tổ chức thực hiện công việc có kết quả	1.21	1.25	1.22	1.20	1.22	1.21
15	Kỹ năng đánh giá công việc, rút kinh nghiệm về công việc	1.21	1.25	1.22	1.21	1.21	1.21
16	Kỹ năng chuẩn bị cho các công việc tiếp theo	1.19	1.23	1.20	1.19	1.15	1.18

Theo số liệu ở bảng 1, các kỹ năng SV tự đánh giá bản thân còn chưa thành thạo gồm: kỹ năng chuẩn bị cho các công việc tiếp theo; kỹ năng thích ứng xã hội; kỹ năng xác định mục tiêu công việc; kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc và kỹ năng tổ chức thực hiện công việc có kết quả (có $\bar{x}$ từ 1.20 - 1.22). Tuy nhiên, các kỹ năng trên lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống, hoạt động nói chung của mỗi con người trong môi trường học đường, bởi lẽ kỹ năng thích ứng và kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc đều cần không chỉ năng lực, mà cả phẩm chất nhân cách của con người.

Về kết quả mà SV đánh giá các SV khác, những kỹ năng chưa thành thạo gồm: kỹ năng chuẩn bị cho các công việc tiếp theo; kỹ năng thích ứng xã hội; kỹ năng xác định mục tiêu công việc; kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc và kỹ năng tổ chức thực hiện công việc có kết quả. Các kỹ năng còn lại cũng có điểm trung bình cộng (TBC) chưa cao (có $\bar{x}$ 1.22 - 1.25). Điều đó, cho thấy, KNS của SV hiện nay chưa tốt.

Bên cạnh việc khảo sát sự đánh giá và tự đánh giá của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát sự đánh giá của cán bộ quản lý HSSV và các giảng viên về KNS của SV (bảng 2).

Bảng 2. Kết quả khảo sát sự đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý SV về KNS của SV

TT	Kỹ năng sống của SV	Nhiệm vụ công tác					
		QLSV		CBGD		Trung bình	
		$\bar{x}$	N	$\bar{x}$	N	$\bar{x}$	N
1	Kỹ năng tự nhận thức bản thân	1,17	24	1,14	42	1,15	66
2	Kỹ năng tự ý thức và có trách nhiệm với bản thân	1,00	24	0,95	42	0,97	66
3	Kỹ năng tự điều khiển, điều chỉnh, tự đánh giá hành vi bản thân	1,04	24	0,96	42	1,00	66
4	Kỹ năng tự rút kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày của bản thân	0,84	24	0,86	42	0,85	66
5	Kỹ năng tự xác định mục đích, kế hoạch phấn đấu về đường đời bản thân mình	1,00	24	0,96	42	0,98	66
6	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	1,19	24	1,14	42	1,16	66
7	Kỹ năng thiết lập và duy trì các mối quan hệ liên nhân cách, các mối quan hệ tương tác trong cộng đồng và xã hội	0,84	24	0,96	42	0,9	66
8	Kỹ năng thực hiện các hành vi văn hóa xã hội, hành vi theo chuẩn mực xã hội	0,84	24	0,86	42	0,85	66
9	Kỹ năng thích ứng xã hội	1,04	24	0,95	42	0,99	66
10	Kỹ năng xác định mục tiêu công việc	1,19	24	1,14	42	1,16	66

11	Kỹ năng lựa chọn, xác định các giá trị	0,84	24	0,96	42	0,9	66
12	Kỹ năng hoạch định công việc	0,84	24	0,86	42	0,85	66
13	Kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc	1,04	24	0,96	42	1,00	66
14	Kỹ năng tổ chức thực hiện công việc có kết quả	1,19	24	1,14	42	1,16	66
15	Kỹ năng đánh giá công việc, rút kinh nghiệm về công việc	1,33	24	1,38	42	1,36	66
16	Kỹ năng chuẩn bị cho các công việc tiếp theo	0,84	24	0,96	42	0,9	66

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, theo đánh giá của các cán bộ quản lý HSSV và giảng viên KNS của SV vẫn hạn chế. Điểm TBC các kỹ năng chưa cao (có $\bar{X}$ từ 0.86 – 1.36). Trong đó các KNS có điểm TBC tương đối thấp là: kỹ năng tự rút kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày của bản thân; kỹ năng thiết lập và duy trì các mối quan hệ liên nhân cách, các mối quan hệ tương tác trong cộng đồng và xã hội; kỹ năng thực hiện các hành vi văn hóa xã hội, hành vi theo chuẩn mực xã hội; kỹ năng lựa chọn, xác định các giá trị; kỹ năng hoạch định công việc; kỹ năng chuẩn bị cho các công việc tiếp theo (có $\bar{X}$ từ 0.85 - 0.9). Các KNS còn lại cũng không chênh lệch đáng kể so với các KNS trên. Kết quả

trên cho thấy, KNS của SV vẫn còn rất hạn chế. Các giảng viên, các cán bộ quản lý HSSV của các trường mà chúng tôi phỏng vấn đều có nhận định chung là do những tác động tiêu cực của nền kinh tế, của phương tiện truyền thông nên một bộ phận SV ngày càng sống không có định hướng, dễ bị cám dỗ của xã hội, buông xuôi trước hoàn cảnh, sống thực dụng, ít chú trọng rèn luyện bản thân, không biết xác định và lựa chọn các giá trị sống, không có ý thức trong việc thực hiện các hành vi văn hóa xã hội theo chuẩn mực xã hội.

Để làm rõ hơn thực trạng về KNS của SV, chúng tôi khảo sát đánh giá của CB, giảng viên và sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV (bảng 3).

Bảng 3. Kết quả đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV

TT	Các yếu tố ảnh hưởng đến KNS của SV	Kết quả đánh giá của CB, giảng viên và SV					
		Cán bộ, giảng viên (Tính theo $\bar{X}$)			Sinh viên (Tính theo $\bar{X}$)		
		Cán bộ quản lý SV	Giảng viên	Trung bình	Khối sư phạm	Ngoài sư phạm	Trung bình
	<i>Yếu tố khách quan</i>						
1	Môi trường toàn cầu hóa	1.33	1.38	1.36	1.22	1.22	1.22
2	Giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội	1.33	1.43	1.39	1.34	1.32	1.33
3	Công nghệ thông tin và truyền thông	1.59	1.61	1.60	1.62	1.63	1.62
4	Sự quan tâm của giảng viên và cán bộ giáo dục	1.66	1.69	1.67	1.45	1.43	1.44
5	KNS của giảng viên và cán bộ giáo dục	1.22	1.22	1.22	1.22	1.23	1.22
6	Các nội dung sinh hoạt tập thể	1.33	1.38	1.35	1.34	1.32	1.33
7	Nội quy, quy định của nhà trường	1.59	1.61	1.60	1.67	1.66	1.66
8	Phong cách của giảng viên, CB nhà trường (phong cách giao tiếp, ăn mặc, làm việc...)	1.60	1.59	1.59	1.34	1.32	1.33
	<i>Yếu tố chủ quan</i>						
1	Do thói quen, nếp sống của SV	1.22	1.23	1.22	1.73	1.75	1.73
2	Ý thức, thái độ rèn luyện KNS của SV	1.59	1.61	1.60	1.73	1.75	1.73
3	Kiến thức và hiểu biết về KNS của SV	1.62	1.63	1.62	1.68	1.70	1.69
4	Đặc điểm tâm lý sinh viên	1.45	1.43	1.44	1,59	1,61	1,60

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến KNS của SV hiện nay. Cán bộ quản lý sinh viên (QLSV) và giảng viên đánh giá các yếu tố khách quan có ảnh hưởng mạnh mẽ đến KNS của SV gồm: công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông; sự quan tâm của giảng viên và cán bộ giáo dục; nội quy, quy định của nhà trường; phong cách của giảng viên, CB nhà trường (có $\bar{X}$ từ 1.59 - 1.67); các yếu tố chủ quan được cán bộ QLSV và giảng viên đánh giá có ảnh hưởng mạnh mẽ đến KNS của SV gồm: ý thức, thái độ rèn luyện KNS của SV; kiến thức và hiểu biết về KNS của SV (có $\bar{X}$ 1.60 - 1.62). Bên cạnh đó SV đánh giá các yếu tố khách quan có ảnh hưởng mạnh mẽ đến KNS của SV là: CNTT và truyền thông; quy định của nhà trường (có $\bar{X}$ từ 1.62 - 1.66). Đặc biệt cả 4 yếu tố chủ quan đều được SV đánh giá có ảnh hưởng mạnh mẽ đến KNS (có $\bar{X}$ từ 1.60 - 1.73). Kết quả trên cho thấy, SV ý thức và đánh giá cao vai trò của bản thân trong việc hình thành KNS, đồng thời cho rằng các yếu tố khách quan như sự quan tâm của các nhà giáo dục, CNTT & TT và qui định của nhà trường về văn hóa học đường cũng có ảnh hưởng nhất định đến quá trình hình thành KNS cho SV.

2. Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên

2.1. Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống trong các môn học

Giảng viên không chỉ là người truyền

đạt kiến thức, hình thành kỹ năng cho SV, mà bên cạnh đó, cần phải giáo dục SV trở thành những người có ích cho xã hội. Muốn vậy, giảng viên phải chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách cho SV trong mọi hoạt động ở nhà trường. Hoạt động hữu hiệu nhất và chiếm nhiều thời gian nhất chính là hoạt động dạy học. Giảng viên cần chú trọng lồng ghép các nội dung giáo dục thông qua bài giảng. Trong đó, KNS cũng là một nội dung giáo dục quan trọng trong các nhà trường hiện nay. Các môn học thuộc khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục rất phù hợp với các nội dung giáo dục KNS. Giảng viên cần tâm huyết, tìm tòi và thiết kế nội dung học tập, xây dựng các tình huống dạy học chứa đựng các nội dung của KNS để tổ chức quá trình dạy học đạt hiệu quả toàn diện. Bên cạnh đó, giảng viên nên sử dụng các nguồn tài liệu phong phú và có ý nghĩa giáo dục như: video truyền cảm hứng, câu chuyện và clip trong chương trình quà tặng cuộc sống, blog khát vọng tuổi trẻ...

2.2. Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề về kỹ năng sống

Bên cạnh việc lồng ghép các nội dung về KNS trong dạy học, nhà trường cần chú trọng phối hợp với các tổ chức giáo dục trong và ngoài trường để giảng dạy cho SV những chuyên đề riêng về KNS. Thực tế cho thấy, phần lớn SV chưa có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về nội dung, tầm quan trọng của KNS, sự cần thiết của tự giáo dục bản thân để hình thành KNS. Việc giảng dạy cho SV các

chuyên đề riêng về KNS là công việc cần thiết; điều đó không chỉ giúp SV rèn luyện bản thân, thực hiện tốt nội quy của trường, mà quan trọng là hình thành cho SV các kỹ năng sống lành mạnh, văn minh và tự chủ trong các môi trường khác nhau. Thời gian tổ chức các chuyên đề về KNS nên vào đầu năm học, đầu khóa học, khi SV mới nhập trường để giúp SV có kế hoạch rèn luyện KNS. Bên cạnh đó, có thể tổ chức vào dịp hè để SV có thời gian học tập, trải nghiệm KNS một cách hiệu quả nhất. Nhà trường cần tổ chức các lớp học với qui mô khác nhau: theo khoa, ngành đào tạo (các khoa được học chuyên đề KNS riêng); theo lứa tuổi SV (SV năm thứ nhất học riêng, năm thứ 2 học riêng...); theo đối tượng SV (cán bộ lớp, cán bộ đoàn học riêng)... Đặc biệt, cần tập trung tập huấn cho các đối tượng là cán sự lớp, cán sự đoàn để sử dụng họ làm đội ngũ tuyên truyền, tập huấn KNS cho các SV trong tập thể của họ.

2.3. Tổ chức các phong trào hoạt động Đoàn, Hội sinh viên

KNS được hình thành và phát triển trong các hoạt động tập thể, các mối quan hệ xã hội. Vì vậy, các phong trào hoạt động Đoàn, Hội sinh viên trong trường đại học là môi trường hết sức thuận lợi để hình thành KNS cho SV. Nhằm đẩy mạnh cuộc vận động “*Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác*”, nâng cao hơn nữa chất lượng đoàn viên, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn đã ban hành Kế hoạch số 80 -

KH/TWĐTN ngày 03/03/2009 về việc thực hiện Chương trình rèn luyện đoàn viên trong thời kỳ mới. Kế hoạch đó nhấn mạnh, mỗi một đoàn viên ngoài việc không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện các nội dung chương trình rèn luyện đoàn viên trong thời kỳ mới theo 5 tiêu chí rèn luyện và 10 tiêu chí hành động. Bám sát 5 tiêu chí rèn luyện và 10 tiêu chí hành động của đoàn viên, các tổ chức Đoàn, Hội SV cần xây dựng các chương trình hoạt động nhằm tạo môi trường rèn luyện cho SV hình thành KNS phù hợp với tuổi trẻ.

2.4. Xây dựng phong cách sống, kỹ năng sống của giảng viên và cán bộ trong trường

Giảng viên không chỉ tác động đến SV thông qua trình độ mà còn ảnh hưởng đến sinh viên thông qua phong cách, thái độ và kỹ năng lao động sư phạm cũng như giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp và SV. Hơn tất cả những bài học, yêu cầu giáo dục, phong cách và KNS của giảng viên có ảnh hưởng quan trọng đến các thế hệ sinh viên. Hình ảnh đẹp của thầy giáo, cô giáo tạo cho sinh viên một ấn tượng đẹp và xúc cảm tích cực trong phong cách, ứng xử, giao tiếp, lao động là tấm gương để sinh viên học tập và noi theo. Vì vậy, nhà trường cần chú trọng xây dựng các qui định về văn hóa học đường cho cán bộ, giảng viên với những yêu cầu cụ thể về văn hóa, phong cách, giao tiếp, ứng xử, trang phục được thể hiện qua các KNS...

2.5. Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng sống cho cán bộ quản lý sinh viên, cán bộ đoàn, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập

Công tác giáo dục KNS cho SV cần phải được các nhà giáo dục trong trường thực hiện. Các cán bộ làm công tác giáo dục (như cán bộ quản lý, sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, cán bộ đoàn trường...) là những người thường xuyên tiếp xúc, giúp đỡ và giáo dục SV. Để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, ngoài việc nắm vững nguyên tắc, yêu cầu của công việc, các cán bộ giáo dục cần có kỹ năng sống nhất định (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng giải quyết vấn đề...). Tuy nhiên, việc tập huấn cho các cán bộ giáo dục về KNS và giáo dục KNS vẫn chưa thực sự hiệu quả. Do đó, các cán bộ giáo dục của nhà trường cần được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng KNS để họ hoàn thành tốt công việc của mình.

2.6. Tổ chức các hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm sẽ giúp cho các thành viên nâng cao kỹ năng hợp tác, chia sẻ và thích ứng trong các mối quan hệ tập thể. Cùng nhau giải quyết một vấn đề thông qua hoạt động của từng cá nhân và của nhóm sẽ nảy sinh các thuận lợi và khó khăn đối với cá nhân cũng như tập thể nhóm. Thông qua các khó khăn, con người cần phải biết tư duy, giải quyết vấn đề để khẳng định bản thân, không làm ảnh hưởng đến hoạt động nhóm, đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của mình. Để làm được điều đó, con người cần phải có các kỹ năng hoạt động

nhóm, KNS như: kỹ năng tìm hiểu nhau, chấp nhận nhau; kỹ năng lắng nghe và truyền đạt thông tin trong nhóm; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong nhóm; kỹ năng ra quyết định trong nhóm... Vì vậy, trong quá trình dạy học, trong các hoạt động đoàn thể, xã hội, tham quan, ngoại khóa, nhà trường cần chú trọng tổ chức các hoạt động nhóm phong phú, đa dạng, gắn với đặc điểm tâm lý của sinh viên nhằm tạo môi trường rèn luyện, hình thành KNS cho sinh viên.

Kết luận

Nghiên cứu thực trạng và biện pháp giáo dục KNS của SV trong giai đoạn hiện nay không chỉ giúp cho SV, các nhà giáo dục nhận thức, đánh giá đúng mức KNS của SV mà còn giúp họ lựa chọn, sử dụng và phối kết hợp các biện pháp hợp lý nhằm giáo dục KNS cho SV, góp phần hoàn thiện nhân cách của đội ngũ trí thức tương lai, phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc (2009), "Văn hóa học đường: Khái niệm và việc xây dựng thông qua giáo dục giá trị", *Tạp chí Nghiên cứu con người*, số 2 (41).
2. Hội thảo khoa học Tâm lý giáo dục Việt Nam (2009), *Văn hóa học đường - Lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc
3. Đào Thị Oanh (2008), "Một khía cạnh xây dựng văn hóa học đường nhìn từ góc độ tâm lý học", *Tạp chí Tâm lý học*, số 10 (115).
4. Nguyễn Quang Uẩn (2007), "Quan niệm về hành vi giao tiếp có văn hóa của tuổi trẻ", *Tạp chí Tâm lý học*, số 6 (99).

